TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2017
V/v Ly hôn và t/c nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Diệp Hồng Tân
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Nguyễn Văn Triệu
2. Ông Dương Văn Đến

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Sơn Thị Hồng Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Dương, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2016/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2016, về ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung, nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: số 04 N, khóm X phường S, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Chỗ ở hiện nay: số 08 N, khóm H phường Y, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2.Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Em Phạm Văn H, sinh ngày 24/8/2007 (vắng mặt có lý do)
Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh số 1 thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: số 19 Q, phường X, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2016 và lời khai tại tòa ông Phạm Văn S là nguyên đơn trình bày:

Ông với bà Cẩm V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, huện Châu Thành. Quá trình chung sống do tính tình không hợp vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau dẫn đến mâu thuẫn gia đình trầm trọng không hàn gắn được nên ông đã ly thân với bà Cẩm V từ tháng 6/2016 đến nay.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Văn H, sinh ngày 24/8/2007 và Phạm H Khang, sinh ngày 10/01/2014

Về tài sản chung gồm có:

Thửa đất 85, tờ bản đồ số 33, diện tích 677m^2 và 01 căn nhà tường cấp 04 gắn liền trên đất. Thửa đất 285 diện tích diện tích 301m^2, thửa đất 286 diện tích 414m^2, thửa đất 287 diện tích 619m^2, thửa đất 288, diện tích 634m^2, thửa đất 289, diện tích 101m^2, cùng tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Thửa đất 600 diện tích 97m^2, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp Cổ Tháp B, xã Nguyệt Hóa, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

01 xe gắn máy loại honda, nhãn hiệu AIRBLADE, biển số kiểm soát 84D1-063.36.

01 xe gắn máy loại YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, biển số kiểm soát 84D1-133.52.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh số 01, thành phố Trà Vinh tỉnh Trà Vinh 180.000.000 đồng.

Nay ông Phạm Văn S yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Cẩm V, yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Ông S yêu cầu được trọn quyền sử dụng 5 thửa đất số 285, 286, 287, 288, 289, tổng diện tích 2069m^2 loại đất trồng lúa, thửa 600 diện tích 97m^2 loại đất trồng cây lâu năm.

01 xe gắn máy loại honda, nhãn hiệu AIRBLADE, biển số kiểm soát 84D1-063.36.

Ông S tự nguyện giao cho bà Cẩm V trọn quyền sử dụng thửa đất số 85 diện tích 677m^2 và 01 căn nhà tường cấp 04 gắn liền trên đất.

01 xe gắn máy loại YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, biển số kiểm soát 84D1-133.52.

Ông S tự nguyện thanh toán nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh số 01 thành phố Trà Vinh.

Bà Trần Thị Cẩm V là bị đơn trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Văn S về thời gian kết hôn chung sống, con chung và tài sản chung. Về nợ chung bà Trần Thị Cẩm V không thống nhất với ông Phạm Văn S, lý do ông S vay nợ Ngân hàng bà không biết.

Nay bà Cẩm V thống nhất ly hôn với ông S, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 01 con chung Phạm Văn H, không yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Em Phạm Văn H trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, em tự nguyện sống chung với cha.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Nhận thấy, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về Tố tụng dân sự.

Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng đung quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về mặt thời gian chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm V.

Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Cẩm V phải chịu án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu không có thay đổi bổ sung, sửa chữa gì thêm.

Về tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và em Phạm Văn H có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về quan hệ tranh chấp: Vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung; căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nhận thấy, do có tìm hiểu quen biết trước năm 2006 ông S với bà Cẩm V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đến năm 2016 do bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn gia đình không hàn gắn được, ông S ly thân với bà Cẩm V từ tháng 6/2016 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông S và bà V ngày càng trầm trọng không hàn gắn đươc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại tòa bà Cẩm V cũng thống nhất ly hôn với ông S.

Về con chung: Ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, bà Cẩm V yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Phạm Văn H, sinh ngày 24/8/2007 hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 21/11/2016 em Phạm Văn H có nguyện vọng sống chung với ông S, đối với em Phạm H Khang, sinh ngày 10/01/2014, từ khi cha mẹ ly thân em sống với ông S, hiện tại vẫn đảm bảo tốt về các mặt, Hội đồng xử án chấp nhận theo nguyện vọng của em H, chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của ông S, giao em Khang cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà V yêu cầu chia đôi mỗi người hưởng 50% tài sản chung của vợ chồng, xét yêu cầu của bà Cẩm V là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên cũng cần xem xét điều kiện hoàn cảnh của ông S và bà V về việc sử dụng tài sản được chia sau khi ly hôn. Do thửa đất số 85, tờ bản đồ số 33, diện tích 677m^2, loại đất trồng lúa và căn nhà tường cấp 4 gắn liền trên đất nằm liền kề trong khuông viên nhà cha mẹ ruột bà Cẩm V, tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện Châu Thành.

Tại tòa ông S tự nguyện giao nhà đất, một số công trình phụ, các loại cây trái hoa màu có trên đất nêu trên và 01 xe gắn máy loại YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, biển số kiểm soát 84D1-133.52 cho bà Cẩm V trọn quyền sử dụng. Tổng giá trị tài

sản là 476.844.556 đồng, ông S không yêu cầu bà V hoàn trả lại phần giá trị tài sản chênh lệch. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn S tại phiên tòa.

Giao cho ông Phạm Văn S trọn quyền sử dụng các thửa đất 285, 286, 287, 288, 289, tổng diện tích là 2069m^2 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện Châu Thành, thửa đất 600, diện tích 97m^2 loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Cổ Tháp B, xã Nguyệt Hóa, huyện C, 01 xe gắn máy loại honda, nhãn hiệu AIRBLADE, biển số kiểm soát 84D1-063.36 ông S đang quản lý giá trị sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 261.830.000 đồng.

Riêng số nợ Ngân hàng ông S vay để xây dựng nhà ở bà Cẩm V không thừa nhận. Tuy nhiên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh số 1 thành phố Trà Vinh không có yêu cầu khởi kiện, ông S không yêu cầu bà V cùng thanh toán nợ, số nợ trên ông S tự nguyện nhận trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, chia tài sản chung của ông S là có căn cứ chấp nhận.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm V

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số:10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ông Phạm Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 13.291.500đ đồng dân sự sơ thẩm.

Bà Cẩm V phải nộp 23.073.782 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí định giá tài sản:

Ông Phạm Văn S phải chịu chi phí định giá tài sản 3.582.614 đồng.

Bà Trần Thị Cẩm V phải chịu chi phí định giá tài sản 3.582.614 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để hoàn trả lại cho ông S.

Ông Phạm Văn S được hoàn trả lại chi phí định giá còn thừa 334.771 đồng tại Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp nội dung vụ án phù hợp với quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, 166, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số:10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và chia tài sản chung của ông Phạm Văn S.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm V.

Tuyên xử: Cho ông Phạm Văn S ly hôn với bà Trần Thị Cẩm V.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em Phạm Văn H, sinh ngày 24/8/2007 tự nguyện sống chung với ông Phạm Văn S.

Giao em Phạm H Khang, sinh ngày 10/01/2014 cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Cẩm V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Cẩm V được quyền tới thăm chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Phạm Văn S, tự nguyện giao cho bà Cẩm V trọn quyền sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 33, diện tích 677m^2, loại đất trồng lúa và căn nhà tường cấp 4, một số công trình phụ, các loại cây trái hoa màu gắn liền trên đất, tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C. 01 xe gắn máy loại YAMAHA, nhãn hiệu SIRIUS, biển số kiểm soát 84D1-133.52. Tổng giá trị tài sản là 476.844.556 đồng. Bà Cẩm V không phải bồi hoàn lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho ông Phạm Văn S.

Giao cho ông Phạm Văn S trọn quyền sử dụng các thửa đất 285, 286, 287, 288, 289, tổng diện tích là 2069m^2 loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện Châu Thành. Thửa đất số 600, diện tích 97m^2 loại đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Cổ Tháp B, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, 01 xe gắn máy loại honda, nhãn hiệu AIRBLADE, biển số kiểm soát 84D1-063.36. Tổng giá trị tài sản là 261.830.000 đồng.

Về nợ chung: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh số 1 thành phố Trà Vinh không có yêu cầu khởi kiện, ông S không yêu cầu bà V cùng thanh toán nợ, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 13.291.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.575.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0007307, ngày 01 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Số tiền án phí ông S còn phải nộp tiếp là 6.716.500 đồng.

Bà Trần Thị Cẩm V phải nộp 23.073.782 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí định giá tài sản:

Ông Phạm Văn S phải chịu 3.582.614 đồng.

Bà Trần Thị Cẩm V phải chịu 3.582 614 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để hoàn trả lại cho ông Phạm Văn S.

Ông Phạm Văn S được hoàn trả lại số tiền định giá tài sản còn thừa 334.771 đồng tại Tòa án.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Cẩm V biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng em Phạm Văn H và Ngân hàng vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-THADS huyện Châu Thành;
-Ủy ban nhân dân xã nơi ĐKKH;
-Các đương sự;
-Lưu.

DIỆP HỒNG TÂN